

NGHỊ QUYẾT
Về Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Công văn số 413/UBTVQH ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét Tờ trình số 95 /TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với Tờ trình số 95 /TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

Các trường hợp phải áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023:

STT	Loại đất, địa bàn, khu vực	Hệ số Điều chỉnh giá đất (Lần)
A	Đất nông nghiệp	
1	Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác	1,00
2	Đất rừng sản xuất	1,00

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết. Chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục kiểm tra, khảo sát giá chuyển nhượng thực tế, chịu trách nhiệm về kết quả khảo sát để xác định hệ số điều chỉnh; đối chiếu các quy định của Luật đất đai về điều chỉnh bảng giá đất để có phương án điều chỉnh kịp thời.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khoá XIX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2023././.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; CP (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng TH, lưu VT. *HL*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung

STT	Loại đất, địa bàn, khu vực	Hệ số Điều chỉnh giá đất (Lần)
B	Đất ở	
I	Đất ở đô thị	
1	Các phường thuộc thành phố Bắc Ninh	1,50
2	Các phường thuộc thành phố Từ Sơn	1,45
3	Thị trấn các huyện	1,25
II	Đất ở nông thôn	
1	Các xã còn lại thuộc các huyện	1,20
III	Đất ở ven trục quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện ngoài đô thị	1,20
IV	Đất ở tại khu đô thị, khu nhà ở mới nằm ngoài đô thị	1,30
C	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	
I	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	
1	Tại đô thị	
1.1	Các phường thuộc thành phố Bắc Ninh	1,20
1.2	Các phường thuộc thành phố Từ Sơn	1,20
1.3	Thị trấn các huyện	1,15
2	Tại nông thôn	
2.1	Các xã còn lại thuộc các huyện	1,10
II	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	
1	Tại đô thị	
1.1	Các phường thuộc thành phố Bắc Ninh	1,20
1.2	Các phường thuộc thành phố Từ Sơn	1,20
1.3	Thị trấn các huyện	1,15
2	Tại nông thôn	
2.1	Các xã còn lại thuộc các huyện	1,10
III	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ven trục quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện ngoài đô thị	1,10
IV	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại khu đô thị, khu nhà ở mới nằm ngoài đô thị	1,10
D	Đất thương mại dịch vụ	
I	Đất thương mại dịch vụ tại đô thị	
1	Các phường thuộc thành phố Bắc Ninh	1,30
2	Các phường thuộc thành phố Từ Sơn	1,20
3	Thị trấn các huyện	1,15
II	Đất thương mại dịch vụ tại nông thôn	
1	Các xã còn lại thuộc các huyện	1,15
III	Đất thương mại dịch vụ ven trục quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện ngoài đô thị	1,15
IV	Đất thương mại dịch vụ tại khu đô thị, khu nhà ở mới nằm ngoài đô thị	1,15